

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-ST

Ngày 02-4-2024

V/v Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Phạm Công Hạ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Khu D, phường C, thành phố Chí L, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Y, sinh năm 19xx; nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Khu K, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị Z, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu D, phường C, thành phố Chí L, tỉnh Hải Dương; có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2020 và các lời khai tại Tòa án cũng như lời khai tại phiên tòa, bà Phạm Thị X (là nguyên đơn) trình bày:

Anh Phạm Văn Y là bạn làm ăn của con gái bà X là chị Hoàng Thị Z, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu chung cư Cầu Dông, phường Cộng Hoà, thành phố Chí

Linh, tỉnh Hải Dương. Vào khoảng năm 2022, anh Y cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên có hỏi mượn bà X số tiền 100 triệu đồng, bà X đồng ý và cho anh Y vay, bà X chuyển tiền cho anh Y bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng. Khi bà X cho anh Y vay số tiền 100 triệu đồng, hai bên không lập giấy tờ vay mượn mà chỉ chuyển khoản cho anh Y vào tài khoản của vợ anh Y là chị Nguyễn Thị Hương, hai bên không thoả thuận lãi và bà X cũng lấy lãi của anh Y. Anh Y nói mượn số tiền 100 triệu đồng trong 3 ngày để đáo hạn xong sẽ trả lại cho bà X nhưng sau 3 ngày anh Y không trả nên gia đình bà X đã xuống nhà anh Y rất nhiều lần nhưng anh Y chỉ hứa hẹn, khất nần không trả.

Sau khoảng hơn 1 năm anh Y mới trả bà X 20 triệu đồng, khi anh Y trả tiền cho bà X cũng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của con gái bà X là chị Hoàng Thị Z. Từ sau khi trả 20 triệu đồng đến nay, anh Y hoàn toàn không trả bà X thêm khoản tiền nào, bà X cũng đã đòi anh Y rất nhiều lần nhưng anh Y không trả. Đến ngày 31/12/2022, bà X phải đi nằm viện nên đã nhờ con gái là chị Hoàng Thị Z đến nhà anh Y đòi tiền. Anh Y đã xác nhận nợ và lập Giấy biên nhận vay tiền ngày 31/12/2022, anh Y, mẹ đẻ anh Y là bà Đào Thị Son cùng ký vào giấy biên nhận vay tiền, con gái bà X là chị Hoàng Thị Z ký thay bà X và có ông Trần Văn Vĩnh làm chứng. Trong giấy biên nhận vay tiền ngày 31/12/2022, anh Y hẹn đến ngày 06/01/2023 sẽ trả bà X 20 triệu đồng nhưng sau đó rất lâu anh Y mới trả bà X 20 triệu đồng. Đến nay anh Y còn nợ bà X số tiền 60 triệu đồng nên bà X yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Y phải trả cho bà X số tiền 60 triệu đồng và tiền chậm thi hành án từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi anh Phạm Văn Y thanh toán xong toàn bộ số nợ trên cho bà X theo mức lãi suất do pháp luật quy định, bà X không yêu cầu anh Y phải trả số tiền lãi của số tiền 60.000.000 đồng nói trên. Ngoài ra, bà X không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2024 và các lời khai tại Tòa án, chị Hoàng Thị Z (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Chị Hoàng Thị Z là con bà Phạm Thị X, chị Z có quen biết với anh Phạm Văn Y. Khoảng năm 2022, anh Y có nhu cầu cần tiền đáo hạn Ngân hàng, anh Y đã hỏi vay tiền chị Z số tiền 20 triệu và chị Z đã chuyển tiền 20 triệu vào tài khoản của vợ anh Y. Khi đó anh Y nói không đủ tiền nên vẫn hỏi vay của mẹ chị Z là bà Phạm Thị X số tiền 100 triệu đồng. Anh Y và bà X trực tiếp xuống Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Đại Tân- Hoàng Tân ký giấy chuyển khoản. Anh Y nói mượn 3 ngày đáo hạn xong sẽ trả lại cho bà X nhưng sau 3 ngày không trả nên gia đình tôi đã xuống nhà anh Y rất nhiều lần và anh Y luôn hứa hẹn trả. Vào ngày 31/12/2022 bà X bị ốm uỷ quyền cho chị Z chốt số tiền bà X cho anh Y vay là 80 triệu và hẹn đến ngày 23/01/2024 sẽ trả 20 triệu. anh Y đã trực tiếp ký vào giấy biên nhận vay tiền ngày 31/12/2022 và sau đó anh Y đã trả cho bà X 20 triệu. Nay anh Y còn nợ bà X số tiền 60 triệu đồng nên chị Z yêu cầu Toà án buộc anh Y phải trả cho bà X số tiền nói trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Văn Y không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ Tố tụng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Anh Phạm Văn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

2. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập nhận thấy: Anh Phạm Văn Y có vay của bà Phạm Thị X số tiền 60 triệu đồng. Hai bên có lập thành văn bản là Giấy biên nhận vay tiền vào ngày 31/12/2022, văn bản được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên phát sinh hiệu lực. Bà Phạm Thị X đã chuyển toàn bộ tiền vay cho anh Phạm Văn Y. Quá trình thực hiện hợp đồng, Anh Phạm Văn Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà X nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 116; 119; 274; 280; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn Y phải trả cho bà Phạm Thị X số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và số tiền chậm thi hành án từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi anh Phạm Văn Y thanh toán xong toàn bộ số nợ trên cho bà X theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Phạm Văn Y đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản theo hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Phạm Văn Y đăng ký thường trú tại xã Thủy Đường và nơi ở hiện nay tại xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Căn cứ điểm a khoản

1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 184; Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị X yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là anh Phạm Văn Y phải trả nợ cho bà X toàn bộ số tiền nợ gốc là: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền ngày 31/12/2022 giữa người vay tiền là anh Phạm Văn Y và người cho vay là bà Phạm Thị X và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được công bố công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Anh Phạm Văn Y có vay của bà Phạm Thị X số tiền 80.000.000 đồng. Việc vay tiền được lập thành văn bản và có xác nhận của bên vay tiền là anh Phạm Văn Y. Việc thỏa thuận vay tiền giữa bà X và anh Phạm Văn Y trên cơ sở cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên phát sinh hiệu lực. Quá trình thực hiện cam kết, anh Phạm Văn Y mới trả cho bà X số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 60.000.000 đồng anh Y chưa trả cho bà X, mặc dù bà X đã nhiều lần đôn đốc nhưng anh Y vẫn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà X. Do vậy bà X yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Văn Y phải thanh toán trả số tiền 60.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 116; 119; 274; 280; 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về án phí Tòa án thì bị đơn là anh Phạm Văn Y phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 60.000.000 đồng phải trả cho nguyên đơn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn do pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 116; Điều 119; Điều 274; Điều 280; Điều 463; Điều 466, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Phạm Văn Y phải trả cho bà Phạm Thị X số tiền nợ gốc là: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn Y phải nộp 4.257.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị X, chị Hoàng Thị Z có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn Y vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu VT; Hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Đức Cảnh

Phạm Công Hạ

Lương Ngọc Anh

